TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12-2019.
V/v Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Bích.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 06/12/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST- HNGĐ ngày 19/7/2019 về việc "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và quyết định hoãn phiên tòa số 50 /2019/QĐ-ST ngày 18/11/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Anh Nguyễn Văn N – sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Chị Dương Thị Thu H – Sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Anh Nguyễn Văn N có mặt, chị Dương Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2019, bản tự khai và biên bản làm việc, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh và chị Dương Thị Thu H có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/11/2016. Do chung sống không hòa hợp, giữa anh và chị H thường hay xảy ra mâu thuẫn và được TAND huyện T giải quyết ly hôn.Theo quyết định của bản án số

33/2017/HNGĐ-ST ngày 05/12/2017 của TAND huyện T thì Tòa án đã giao con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/11/2016 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng, do chị H không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau 1 thời gian chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, tháng 11 năm 2018 chị H đã xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Trước khi xuất cảnh, chị H đã gọi anh xuống nhà và bàn giao cháu Nguyễn Thanh T là con chung cho anh chăm sóc và nuôi dưỡng, từ khi đi nước ngoài thì chị H không trực tiếp gửi tiền về cho anh nuôi con mà gia đình chị H có gửi anh tiền để cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh không nhận vì nếu nhận thì anh phải nhận tiền từ tay chị H chứ không nhận tiền qua người khác. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh, được anh và bố mẹ anh thay nhau đưa đón cháu đi học và chăm sóc cháu. Hiện nay cháu T đang học lớp mẫu giáo 03 tuổi tại Trường mầm non xã P, cách nhà khoảng 1km. Do cháu đến tuổi đi học nên anh đề nghị Tòa án giao con chung giữa anh và chị H là cháu Nguyễn Thanh T cho anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh còn trình bày trong quá trình chị H đi nước ngoài thì gia đình nhà chị H có thường xuyên lên thăm nom cháu, gia đình anh có tạo điều kiện để ông bà ngoại đưa đón cháu và thăm nuôi cháu. Bản thân anh có đủ điều kiện nuôi con chung, thu nhập hàng tháng của anh trung bình khoảng 10 triệu đồng/ tháng.

Bị đơn là chị Dương Thị Thu H – Vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành xác minh với Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an để xác minh chị H có xuất khẩu lao động đi nước ngoài hay không. Căn cứ công văn trả lời số 10078/QLXNC-P5 ngày 25/6/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thì xác định chị Dương Thị Thu H, sinh ngày 05//7/1993, khai địa chỉ ở V, huyện T,tỉnh Bắc Giang đã xuất cảnh ngày 13/11/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 09/7/2019 và ngày 07/10/2019 giữa Tòa án với bà Vũ Thị L – Sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang là mẹ đẻ của chị H cho biết: hiện nay chị H đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị H thường xuyên liên lạc về với gia đình bà. Tuy gia đình bà biết địa chỉ của chị H nhưng không cung cấp địa chỉ của chị H tại Đài Loan cho Tòa án, không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H gửi lời khai về cho cho Tòa án. Bà L cũng cho biết qua trao đổi điện thoại thì chị H có quan điểm trình bày như sau: Để con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/11/2016 có tình cảm của bố thì trước khi đi nước ngoài chị H có tạm giao con chung cho anh N nuôi dưỡng. Sau này khi chị H về nước, theo nguyện vọng của con chung muốn ở với ai thì chị H đồng ý theo nguyện vọng của cháu T. Còn hiện nay anh N khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn thì chị H không đồng ý, chị H có gửi tiền về để nuôi dưỡng con chung nhưng nhà anh N

không nhận. chị H vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình và gửi tiền về để nuôi dưỡng con chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Dương Thị Thu H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kể từ khi niêm yết cho đến nay, Tòa án vẫn không nhận được ý kiến phản hồi của chị Dương Thị Thu H.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Dương Thị Thu H vắng mặt, anh Nguyễn Văn N có mặt. Anh N trình bày: Tôi giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như biên bản làm việc với Tòa án. Án phí 300.000 đồng tôi đã nộp và xin chịu cả.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 - Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã niêm yết văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179- BLTTDS; Việc xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ quy định tại các Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi trực tiếp người nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của anh Nguyễn Văn N, giao cho anh N được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/11/2016, bởi lẽ: Hiện nay chị Dương Thị Thu H đang ở nước ngoài, cháu Nguyễn Thanh T hiện nay đang ở cùng anh N, anh N có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí anh N xin chịu cả nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn N là nguyên đơn làm đơn khởi kiện đến Tòa án xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con sau ly hôn. HĐXX xác định quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" khoản 3, Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự . Do bị đơn là chị Dương Thị Thu H hiện đang lao động, cư trú ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc

Giang theo quy định tại khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; điểm b, khoản 1, Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn N có mặt, chị Dương Thị Thu H vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Dương Thị Thu H theo quy định tại Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã làm việc với mẹ chị H được cung cấp chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình nhưng gia đình từ chối cung cấp thông tin địa chỉ và không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H viết bản tự khai cung cấp quan điểm gửi về Tòa án. Vì vậy đây được coi là trường hợp chị H cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H theo thủ tục chung là đúng với công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung đơn khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1]. Theo quy định tại khoản 1, Điều 71- Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên"; khoản 1, Điều 81- Luật hôn nhân và gia đình quy định "Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên". Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 05/12/2017 của TAND huyện T đã quyết định "2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/11/2016 cho chị Dương Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này". Sau khi ly hôn chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thanh T.

[3.2]. Tuy nhiên kể từ ngày 13/11/2018 thì chị H đi lao động ở nước ngoài. Trước khi đi chị H đã giao cháu Nguyễn Thanh T cho anh N để anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Như vậy chị H không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung nữa. Hiện nay cháu Nguyễn Thanh T cũng đã trên 36 tháng tuổi và được gia đình anh N quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ, phát triển bình thường. Anh N có đầy đủ điều kiện về công việc, thu nhập, nơi ở ổn định và còn có sự giúp đỡ từ người thân trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh T. Do đó yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Nguyễn Văn N là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 71; khoản 1, Điều 81; Điều 84- Luật Hôn nhân gia đình nên cần được chấp nhận. Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/11/2016 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị NHà không phải thực hiện nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn N không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Anh N được trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000362 ngày 08/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; điểm b, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; Điều 179; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479-BLTTDS; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 24; Điều 26 - Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N.

1. Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/11/2016 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Dương Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Dương Thị Thu H về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh N đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000362 ngày 08/7/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Văn N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Dương Thị Thu H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong thời hạn là 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- Cổng thông tin điện tử;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng